

Bản án số: **03/HNGĐ-ST**

Ngày 20/01/2025

V/v: *Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Đào.

2. Bà Trương Thị Bích Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Vi Ngọc Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 143/2024/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị T**, sinh năm 1990.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Văn C**, sinh năm 1988.

Trú tại: Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2024 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 06/7/2009 tại UBND xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị T và anh C không còn quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Giữa chị và anh C có 02 con chung là Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022. Quá trình giải quyết vụ

án, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trần Văn C vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo hoãn phiên họp, hoà giải nhưng bị đơn anh C vắng mặt, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải được.

Ngày 06/12/2024, anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn C thống nhất thời gian đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân. Tuy nhiên, anh Trần Văn C không đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T.

Về con chung: Anh Trần Văn C và chị Bùi Thị T có 02 con chung là Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022. Nếu ly hôn anh có nguyện vọng giao hai con chung cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Công an xã Đ, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Trần Văn C hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày ngày 16/5/2007, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa chị Bùi Thị T và Trần Văn C phát sinh mâu thuẫn cụ thể như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thông qua hoà giải tại cơ sở. Hiện tại, chị Bùi Thị T và Trần Văn C đã sống ly thân. Chị T và anh C có 02 con chung là Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022. Chị T làm đơn xin ly hôn với anh Trần Văn C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc. Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó cần xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

Về con chung: Giao con chung Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 01/2025 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn C. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Bùi Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết ly hôn đối với anh Trần Văn C và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm H, xã Đ, huyện Q, tỉnh Nghệ An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn C nhưng anh C đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn C đăng ký kết hôn ngày 06/7/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh C đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn

tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh C đều vắng mặt. Chị T xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh C nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Trần Văn C. Anh Trần Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt và có đơn trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn với anh Trần Văn C.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương, xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con và ý kiến của chị T, anh C và cháu N xét thấy cần giao con chung Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 01 năm 2025 trở đi, cho đến lúc các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với cho anh Trần Văn C. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bùi Thị T và anh Trần Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Các Điều 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật

Tổ tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T đối với anh Trần Văn C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Trần Văn C.

2. Về con chung: Buộc anh Trần Văn C giao con chung Trần Chính N, sinh ngày 19/4/2010 và Trần Bảo N1, sinh ngày 10/01/2022 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, từ tháng 01 năm 2025 trở đi, cho đến lúc các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Trần Văn C.

Anh Trần Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị T chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Bùi Thị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006246 ngày 07/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- UBND xã Tam Hợp, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Sầm Thị Thanh Sương